TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 40/2023/DS-ST
Ngày: 20/9/2023
"V/v tranh chấp quyềnsử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sĩ;

Ông Lê Văn Sắng.

Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Bảo Tâm- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà: ông Nguyễn Quốc Thông- Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

Ủy quyền cho ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khóm X, TT. T, huyện T, Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1952 (chết)

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm có:

1/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957 (vợ ông H);

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh G, sinh năm 1978 (con ông H);

3/ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1980 (con ông H);

4/ Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1986 (con ông H);

5/ Bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1981(con ông H).

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967 (vợ ông H);

2/ Ông Huỳnh Trung H, sinh năm 1987 (con ông H);

3/ Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1993 (con ông H);

4/ Ông Huỳnh Nguyễn L, sinh năm 1993 (con ông H);

5/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957 (vợ ông H);

6/ Bà Nguyễn Thị Thanh G, sinh năm 1978 (con ông H);

7/ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1980 (con ông H);

8/ Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1986 (con ông H);

9/ Bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1981(con ông H).

10/Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980 (con dâu ông H);

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1/ Ông Phạm Hồng H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

2/ Ông Đặng Phong L, sinh năm 1951;

3/ Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1953;

4/ Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1951;

5/ Ông Trần Văn L, sinh năm 1957;

6/ Ông Lê Hữu H, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

7/ Ông Phùng Văn C, sinh năm 1951;

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/200; biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2022; biên bản hòa giải ngày 27/4/2022 và tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước T trình bày: Trước đây vợ chồng ông H được Nhà nước cấp cho một phần đất có diện tích là 1.950m^2 thuộc thửa 106, tờ bản đồ số 4. Sau khi được cấp đất, do phần đất trên là cái hầm lạng nên ông H thuê người nạo vét để sử dụng bắt cá hàng năm. Năm 1995, ông H kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 4, diện tích là 1.950m^2. Trong quá trình sử dụng đất thì bên ông H đã lấn đất của

ông H chiều ngang giáp lộ 843 là 5 mét, chiều ngang giáp kênh Gò Da là 6,5 mét, chiều dài từ lộ nhựa đến kênh Gò Da khoảng 70 mét. Tổng diện tích bên ông H lấn của ông H là 402m^2. Khi xem xét thẩm định tại chổ, bên ông H có xác định phần đất tranh chấp với bên ông H có diện tích là 262,6m^2 gồm các mốc số 15,16,4,5 theo sơ đồ đo đạc ngày 09/12/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông.

Do ông H hiện nay đã chết nên ông H khởi kiện yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H phải trả lại phần đất đã lấn chiếm là 262,6m^2, thuộc một phần của thửa 106, tờ bản đồ số 4, do ông H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo sơ đồ đo đạc ngày 09/12/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2022; Biên bản hòa giải ngày 27/4/2022 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Thanh G, ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu L là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hữu H trình bày:* Phần đất tranh chấp giữa ông H với ông H có nguồn gốc đất là của ông Phạm Hồng H quản lý và sử dụng để cất nhà ở. Năm 1998, ông H kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 265, tờ bản đồ số 4, diện tích là 400m^2. Sau khi ông H không sử dụng phần đất trên nữa thì chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông H. Sau khi sang nhượng phần đất trên, vợ chồng ông H có một cất nhà cho chị G (con ông H) ở và làm đường đi từ kênh Gò Da ra đến lộ nhựa.

Nay ông H cho rằng vợ chồng ông H lấn đất của ông H có diện tích 262,6m^2 gồm các mốc số 15,16,4,5 theo sơ đồ đo đạc ngày 09/12/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông và yêu cầu bên ông H trả lại phần đất trên, bên ông H không đồng ý, vì phần đất trên vợ chồng ông H chuyển nhượng của ông H, chứ không phải lấn đất của ông H.

Bà M, bà G, ông T và ông L thống nhất diện tích đất tranh chấp theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát và tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát căn cứ các Điều 166 Luật đất đai, Điều 166 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của H đối với bà M.

Buộc bà M có trách nhiệm trả lại giá trị đất cho ông H với diện tích là 262,6m^2 theo giá do Hội đồng định giá là 1.800.000đ/m^2.

Giữ y phần đất tranh chấp có diện tích là 262,6m^2 cho bà M tiếp tục quản lý và sử dụng.

Ông H và bà M đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Theo sơ đồ đo đạc ngày 10/12/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông và biên bản xem xét thẩm định tại chổ của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc yêu cầu ông H trả lại phần đất lấn chiếm cho ông quản lý và sử dụng. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186,188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối tượng khởi kiện là bất động sản và bị đơn có địa chỉ tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Qua xem xét thẩm định tại chổ phần đất tranh chấp giữa các bên hiện nay có diện tích là 262,6m^2 gồm các mốc 4,5,15,16 về 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 09/12/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông.

Trong phần tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa các đương sự trình bày:

Ông T (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trình bày: yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm: bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Thanh G, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Nguyễn Hữu L trả lại phần đất đã bao chiếm có diện tích là 262,6m^2 thuộc một phần thửa 106, tờ bản đồ số 4 do ông H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho ông H quản lý và sử dụng.

Phần diện tích đất tranh chấp ông thống nhất theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông và biên bản xem xét thẩm định tại chổ của Tòa án.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm: Bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thanh G, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thúy P và Nguyễn Hữu L trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu của ông H, vì phần đất tranh chấp thuộc thửa 265, tờ bản đồ số 4 do ông H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông H đã sang nhượng lại cho vợ chồng ông H, không phải đất của ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Xét yêu cầu của ông H, về việc yêu cầu vợ chồng ông H trả lại phần đất tranh chấp có diện tích là 262,6m^2 là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, thể hiện: Phần đất tranh chấp ông H được Nhà nước cấp vào năm 1989, hiện trạng tại thời điểm ông H được cấp phần đất trên là một cái hầm lạng. Sau khi được Nhà nước cấp đất, vợ chồng ông H tiến hành đào hầm để nuôi nhử cá, đánh bắt hàng năm. Năm 1995, ông H đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 106, tờ bản đồ số 4, diện tích là 1.950m^2 theo quy định. Phần đất tranh chấp giữa ông H với ông H có diện tích là 262,6m^2 là cái bờ hầm, do ông H đào đất đắp lên khi nạo vét hầm. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2022 ông L, ông C, ông L (là những người làm chứng cho ông H) xác định: "*Trước đây tôi thấy ông H thuê ông M nạo vét kênh Gò Da để tác bắt cá, khi nạo vét thì phần đất nạo vét thì để lên 2 bên, 1 phần để qua đất bà X, 1 phần ông H để lên đường đi hiện nay"* và tại biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2022 ông H trình bày: "*Hàng cây ông H trồng nằm một nữa trên bờ kênh phèn (bờ kênh phèn có chiều ngang khoảng 2 mét), từ hàng cây đo lên 1 mét (hướng qua đất tranh chấp) mới hết bờ kênh phèn"*. Như vậy, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp giữa ông H với bên ông H trước đây là cái bờ hầm do ông H thuê người nạo vét để đắp lên. Hơn nữa, phần đất tranh chấp giữa ông H với bên ông H hiện nay đã được Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H vào năm 1995. Tại văn bản số 1082/UBND-NC ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cũng xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.950m^2 (trong đó có phần đất đang tranh chấp) là đúng trình tự thủ tục và đối tượng sử dụng đất và từ khi ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1995) cho đến nay, bên ông H không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Căn cứ vào sơ đồ đo đạc thực tế và văn bản số 1984/CNVPĐKĐĐHTN-KTĐC ngày 26/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông xác định: phần đất tranh chấp giữa ông H với bên ông H gồm các mốc số 4,5,15,16 về 4 thuộc thửa số 106, tờ bản đồ số 4 do ông H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông H, nên buộc bên ông H có trách nhiệm giao trả lại phần đất trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[4] Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm: Bà M, bà G, ông T và ông L trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Phạm Hồng H cất nhà ở và ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 265, tờ bản đồ số 4, sau đó ông H đã sang nhượng lại cho vợ chồng ông H quản lý và sử dụng. Xét thấy lời trình bày này là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, như đã phân tích phần trên, trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện phần đất tranh chấp giữa ông H với bên ông H là cái bờ hầm của ông H đào đất đắp lên để sử dụng, hiện nay ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/9/2023 ông Phạm Hồng H trình bày:

Năm 1996, ông có sử dụng một phần đất chiều ngang khoảng 4,5 mét, chiều dài khoảng 12 mét (hiện có một phần diện tích đang tranh chấp giữa ông H và ông H) cất nhà ở để canh tác lúa, phần diện tích đất tranh chấp còn lại ông sử dụng để làm đường đi ra lộ nhựa. Năm 1998, ông kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 265, tờ bản đồ số 4, diện tích 400m^2, đến năm 2010 ông mới bán phần diện tích đất trên lại cho ông H. Như vậy, tại thời điểm ông H cất nhà ở trên phần đất tranh chấp, thì phần đất trên Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H (ông H được cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất năm 1995, ông H cất nhà năm 1996). Năm 1998, ông H mới đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 265, tờ bản đồ số 4. Qua xem xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trích lục các thửa đất thể hiện: Thửa đất số 265, tờ bản đồ số 4, do ông Phạm Hồng H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không tiếp giáp với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 4 (phần đất đang tranh chấp) do ông H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất 105, tờ bản đồ số 4 do ông H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, có căn cứ xác định phần đất ông H cất nhà ở thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 4 do ông H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải đất của ông H, nên việc ông H chuyển nhượng phần đất trên lại cho vợ chồng ông H là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với lời khai của ông Phùng Văn C ngày 13/7/2022 (người làm chứng cho ông H) xác định: căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H thì phần đất tranh chấp là của ông H. Xét thấy lời trình bày này là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, như đã phân tích phần trên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ xác định phần đất tranh chấp là cái bờ hầm của ông H. Mặt khác, phần đất tranh chấp ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Do đó, lời trình bày của ông C không phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày trên.

[6] Đối với phần diện tích đất tranh chấp: Qua xem xét thẩm định tại chổ thể hiện, trên phần đất tranh chấp có một phần căn nhà của vợ chồng ông T (con ông H) và một phần căn nhà ông H cất cho bà G (con ông H) ở, hai căn nhà này được xây dựng kiên cố bằng bê tông, phần diện tích đất còn lại là lối đi vào nhà của bà G, nên việc buộc bên ông H và ông T di dời nhà trả lại phần đất trên sẽ ảnh hưởng đến quá trình sử dụng đất của các đương sự. Mặt khác, hiện nay ông H đã có nhà ở ổn định, phần diện tích đất của ông H còn lại (phần không tranh chấp) cũng lớn đủ để ông H sử dụng và tại phiên tòa, ông T (đại diện theo ủy quyền của ông H) cũng thống nhất nhận lại giá trị phần đất tranh chấp. Do đó, buộc bên ông H trả lại giá trị phần đất tranh chấp cho ông H, giữ y phần đất tranh chấp cho bên ông H tiếp tục quản lý và sử dụng là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào biên bản định giá ngày 16/9/2022 thể hiện, các bên thống nhất xác định phần đất tranh chấp hiện nay có giá là 1.800.000đ/m^2, nghĩ nên căn cứ

vào giá này để buộc bên ông H trả lại giá trị đất tranh chấp là có căn cứ chấp nhận, cụ thể như sau:

262,6m^2 X 1.800.000đ/m^2 = 472.680.000đ.

[7] Do hiện nay ông H đã chết, nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm: Bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thanh G, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thúy P và Nguyễn Hữu L có trách nhiệm trả lại giá trị phần đất trên cho ông H. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà M, bà G, ông T, bà P và ông L đều xác định phần đất tranh chấp là của vợ chồng ông H, hiện nay ông H chết nên phần đất trên là của cá nhân bà M. Ông T, ông L, bà G và bà P không có yêu cầu hưởng và sử dụng phần đất trên. Do đó, giao phần đất trên cho bà M quản lý và sử dụng, bà M có trách nhiệm trả lại giá trị phần đất trên cho ông H là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[8] Đối với phần đất tranh chấp, bên ông H cho rằng đã nhận chuyển nhượng từ ông H, tại phiên tòa bên ông H không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với ông H, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này bên ông Hiền có phát sinh tranh chấp với ông H sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện riêng.

[9] Trên phần đất tranh chấp có một phần căn nhà của ông T (con bà M) cất ở, tại phiên tòa bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần căn nhà trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Đối với phần căn nhà của bà G đang ở, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà G và bà M đều thừa nhận căn nhà trên là của vợ chồng bà M cất, các bên không có tranh chấp gì đối với căn nhà trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Do yêu cầu của ông H được chấp nhận nên bên ông H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chổ và chi phí định giá. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trên, nghĩ nên chấp nhận.

[12] Do yêu cầu của ông H được chấp nhận, nên bà M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà M thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nghĩ nên miễn toàn bộ tiền án phí cho bà M là đúng theo quy định.

[13] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 Luật đất đai; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 , 157 và 158 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ,

khoản 1 Điều 12, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hiền gồm: Bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Thanh G, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thúy P và Nguyễn Hữu L.

Buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả lại giá trị phần đất tranh chấp cho ông Huỳnh Văn H có diện tích là 262,6m^2, với giá là 1.800.000đ/m^2. Tổng số tiền là 472.600.000đ (Bốn trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Giao cho bà Nguyễn Thị M được quản lý và sử dụng phần đất có diện tích là 262,6m^2, thuộc một phần thửa đất số 106, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.950m^2, mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00459, cấp ngày 21/12/2010 do hộ ông Huỳnh Văn H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp kênh Phú Hiệp có chiều dài là 3 mét (Từ mốc số 4 đo đến mốc số 5);

- Hướng bắc giáp với đất của ông H có chiều dài là 73,59 mét (Từ mốc số 4 đo đến mốc số 16);

- Hướng tây giáp tỉnh lộ 843 có chiều dài là 4,1 mét (Từ mốc số 15 đo đến mốc số 16);

- Hướng nam giáp với phần còn lại của thửa 106 của ông H có chiều dài là 73,72 mét (từ mốc số 15 đo đến mốc số 5).

Theo sơ đồ đo đạc ngày 09/12/2021 và sơ đồ chỉnh lý ngày 26/6/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

Hộ ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị M được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo diện tích nêu trên theo quy định.

Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn H tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 5.111.570đ (Năm triệu một trăm mười một nghìn năm trăm bảy mươi đồng) (đã nộp xong).

3/ Về án phí:

Ông Huỳnh Văn H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Nguyễn Thị M được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn có mặt biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn vắng mặt có quyền kháng

cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Hoàng Vũ